SHS | Kiến tạo Tài chính thịnh vượng

KINH TẾ VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Tháng 11/2026

SHS | Kiến tạo Tài chính thịnh vượng

MỤC LỤC

Tóm tắt 03

Kinh tế vĩ mô 04

Nhìn lại TTCK tháng 10 08

Triển vọng TTCK tháng 11 18

Danh sách khuyến nghị tháng 11/2026 21



CÓ GÌ TRONG BÁO CÁO NÀY ?

(Trở về trang mục lục)

- **Kinh tế vĩ mô mở đầu quý IV với nhiều tín hiệu tích cực.** Kim ngạch XNK lần đầu tiên trong lịch sử vượt mốc 1.000 tỷ USD, cho thấy mức độ hội nhập vào chuỗi cung ứng toàn cầu của Việt Nam ngày càng tăng. Đi cùng với đó cán cân thương mại thặng dư tháng thứ 2 liên tiếp qua đó kéo giảm mức thâm hụt 10 tháng xuống còn 12,1 tỷ USD. Tỷ giá tiếp tục hạ nhiệt và đến cuối tháng 10 giảm 1,9% so với cuối năm 2025. Thanh khoản hệ thống ngân hàng ổn định, lãi suất huy động của hệ thống ngân hàng giảm sau những chỉ đạo quyết liệt của NHNN. Tuy nhiên CPI tháng 10 tiếp tục chịu áp lực khi tăng 5,1% YoY do diễn biến tăng của giá nhiên liệu.

- **Lợi nhuận Quý III tăng mạnh nhưng phân hóa cao:** Tổng hợp kết quả kinh doanh của 1.124 doanh nghiệp trên cả 3 sàn cho thấy lợi nhuận sau thuế Quý III tăng 43% so với cùng kỳ và 9 tháng tăng 43,8%. Tuy nhiên, mức độ phân hóa giữa các ngành và trong cùng ngành là khá lớn. Nhóm cổ phiếu Vin (VIC, VHM, VPL, VRE, VEF) chiếm 19% tổng lợi nhuận toàn thị trường và 51% mức tăng lợi nhuận của Quý III. Loại trừ nhóm này, tốc độ tăng trưởng phần còn lại vẫn đạt mức khả quan lần lượt 22% trong Quý III và 29,7% sau 9 tháng. Với mức tăng trưởng nói trên, P/E 12 tháng gần nhất của VN-Index đã giảm về 10,8x, thấp hơn mức đáy năm 2025. Nếu loại trừ nhóm cổ phiếu Vin, P/E trailing chỉ còn 9,3x, tương đương mức đáy thời điểm Covid-19 và khủng hoảng trái phiếu năm 2022.

- **TTCK tiếp tục tích lũy trong biên độ hẹp**. Chúng tôi nghiêng về kịch bản VN-INDEX tích lũy trong biên độ 1.700 điểm – 1.800 điểm. Trong kịch bản tiêu cực, VN-Index có thể giảm về hỗ trợ mạnh 1.600 điểm – 1.650 điểm, trước khi hình thành nền giá và phục hồi trở lại vùng 1.800 điểm.

- **Chiến lược đầu tư:** Lựa chọn thời điểm khi định giá các mã đầu ngành, triển vọng tốt giảm về vùng hấp dẫn để tích lũy cho trung hạn tiếp tục là chiến lược ưu tiên. Chúng tôi duy trì quan điểm Tích cực đối với các ngành **Bán lẻ, Ngân hàng, Cảng - Vận Tải biển, Tiện Ích.**

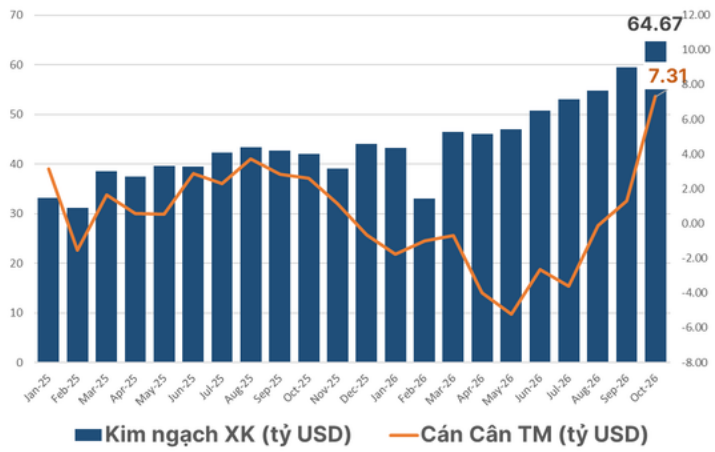


KINH TẾ VĨ MÔ

(Trở về trang mục lục)

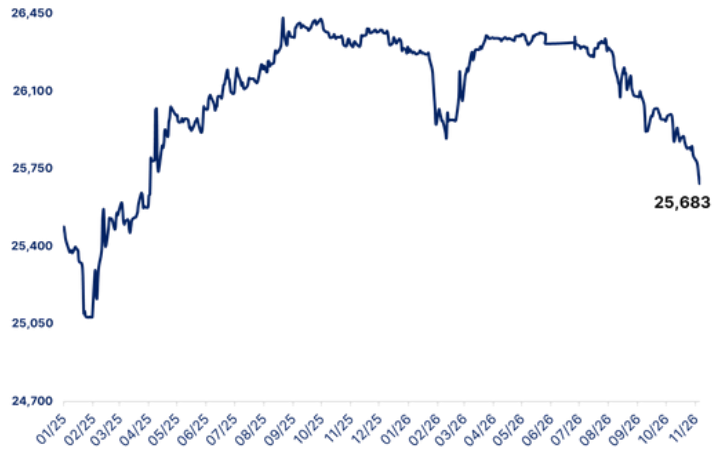
KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

Bảng 1. Xuất khẩu và Cán cân thương mại



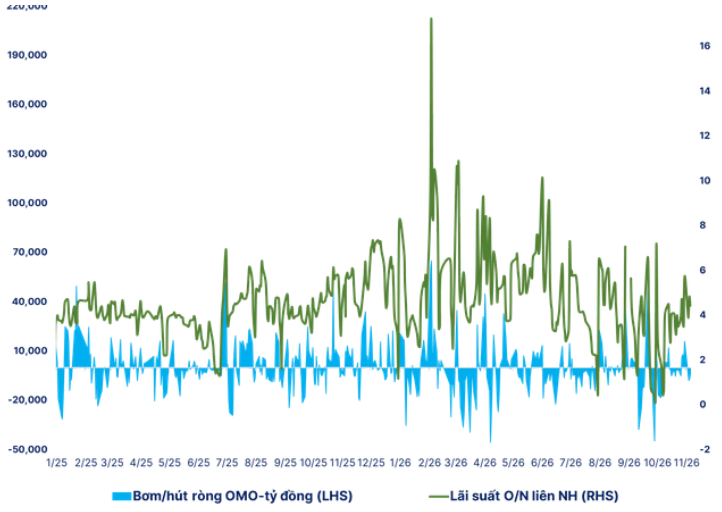
Nguồn: GSO, Fiingroup, SHS Research

Bảng 2. Tỷ giá USD/VND



Nguồn: GSO, Fiingroup, SHS Research

Bảng 3. Diễn biến thị trường liên ngân hàng



Nguồn: GSO, Fiingroup, SHS Research

Kim ngạch XNK 10 tháng vượt 1 ngìn tỷ USD. Cán cân thương mại thặng dư tháng thứ 2 liên tiếp

Xuất khẩu tháng 10 đạt mức kỷ lục lịch sử với ~64,7 tỷ USD, +8,7% MoM, +51,4%YoY, mức tăng mạnh nhất theo tháng kể từ tháng 1/2021. Hai mặt hàng chủ lực là máy tính-linh kiện và máy móc phụ tùng ghi nhận mức tăng mạnh lần lượt 162% và 52%, đóng góp 83% mức tăng nói trên. Khối doanh nghiệp FDI vẫn là đóng góp chính với 54,7 tỷ USD (84,6%) và +65% YoY trong khi doanh nghiệp trong nước +4,2% MoM và +13% YoY. Lũy kế 10 tháng kim ngạch xuất khẩu đạt 498,4 tỷ USD (+24,5% YoY).

Nhập khẩu tháng 10 ghi nhận 57,36 tỷ USD (-1,5% MoM, +46,2% YoY), lũy kế 10 tháng 511,3 tỷ USD (+37,4% YoY).

Quy mô xuất siêu của khối FDI tăng 2,2 lần so với tháng 9 lên mức 10,8 tỷ USD (+124,4% MoM), trong khi doanh nghiệp nội vẫn nhập siêu 3,5 tỷ USD. Như vậy cán cân thương mại tháng 10 thặng dư tháng thứ 2 liên tiếp với 7,3 tỷ USD, qua đó thu hẹp mức thâm hụt 10 tháng xuống 12,1 tỷ USD (cùng kỳ xuất siêu 19,5 tỷ USD).

Đồng VND mạnh lên so với USD

Trong tháng 10 FED quyết định vẫn giữ nguyên lãi suất điều hành và DXY gần như đi ngang quanh mốc 101,5 điểm trong khi lợi suất trái phiếu Mỹ giảm mạnh từ 5,3% đầu tháng 10 xuống 4,93% vào cuối tháng. Những yếu tố này phần nào hỗ trợ cho tỷ giá trong nước tiếp tục xu hướng giảm đã hình thành từ tháng 8. Tỷ giá giao ngay (spot) tại thời điểm cuối tháng 10 giảm xuống 25.683 đồng/USD, tương ứng -0,62% MoM. Kể từ đầu năm 2026, đồng VND tăng giá 1,9% so với USD là một trong số ít các đồng tiền tăng giá so với USD.

Thị trường tiền tệ ổn định.

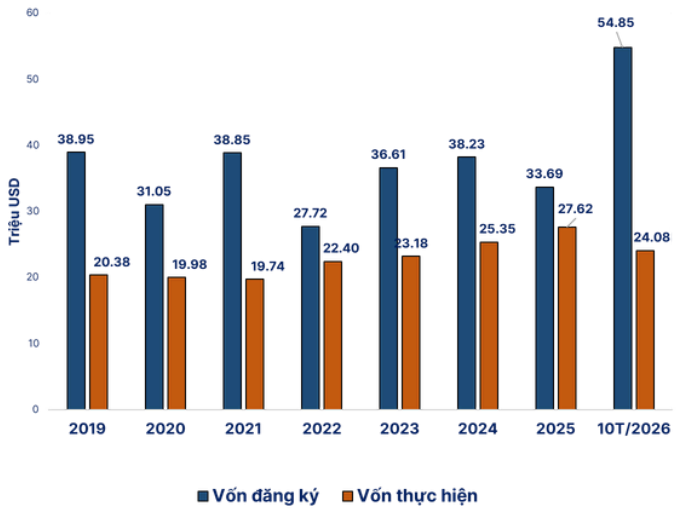
Tăng trưởng tín dụng tính tới 26/10/2026 đạt 11,94%, tăng thêm 35bps so với 30/9/2026. Như vậy room tăng trưởng tín dụng cho 2 tháng cuối năm là 3,06%, tương ứng ~636 nghìn tỷ đồng.

Trên thị trường 1, sau những chỉ đạo quyết liệt của NHNN, lãi suất huy động toàn bộ các ngân hàng đã giảm, trung bình khoảng 0,4% so với giữa tháng 10. Lãi suất cho vay mới theo thống kê của NHNN cũng giảm 0,2%-0,5%.

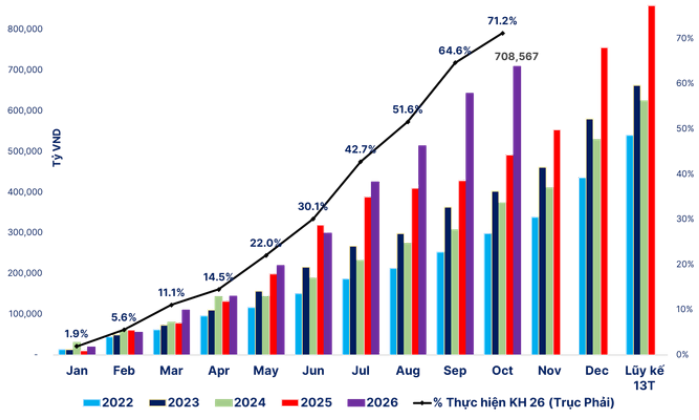
Trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất O/N trong tháng 10 ổn định và không còn giật cục ngay cả vào những ngày cuối tháng dù NHNN tiếp tục rút ròng 44.905 tỷ đồng trên kênh OMO. Ngày 03/11, NHNN thông báo tiếp tục triển khai hoán đổi ngoại tệ, tập trung vào những ngân hàng có vay vốn nước ngoài hoặc phát hành trái phiếu quốc tế với quy mô tối đa 2 tỷ USD. Tuy nhiên kỳ hạn được kéo dài lên tới 182 ngày so với các lần trước đó từ 7-21 ngày, qua đó giúp cho các ngân hàng tham gia chủ động nguồn vốn ngắn hạn hơn, qua đó hỗ trợ chi phí vốn và khả năng cho vay.

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

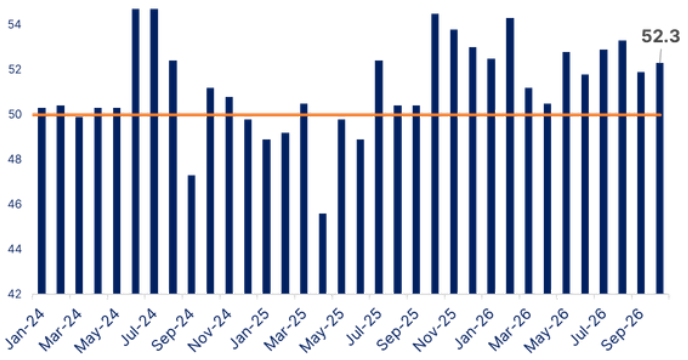
Bảng 4. Vốn FDI 2019-2026



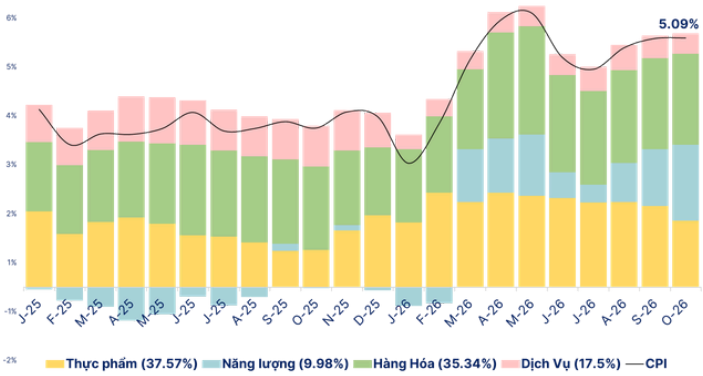
Bảng 5. Giải ngân vốn Đầu tư công



Bảng 6. PMI



Bảng 7. Ảnh hưởng các nhóm trong CPI



Nguồn: GSO, Fiingroup, SHS Research

Vốn FDI đăng ký cao nhất 17 năm

Vốn FDI đăng ký trong tháng 10 đạt 4,49 tỷ USD(-53,8% MoM) và lũy kế 10 tháng đạt 54,85 tỷ USD, +74% YoY, cao nhất kể từ 2009.

- Vốn đăng ký mới 10 tháng đạt 30,7 tỷ USD (+77,4% so với cả năm 2025). So với cùng kỳ năm trước, số dự án tăng 4,7% và số vốn gấp 2,2 lần, tương ứng với quy mô trung bình các dự án cũng tăng. Về đối tác, bên cạnh các nước truyền thống Singapore và Hàn Quốc, Luxembourg vươn lên thứ 3 với dự án cảng trung chuyển Cần Giờ (4,9 tỷ USD) liên doanh với Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, CTCP Cảng Sài Gòn.
- Vốn đăng ký tăng thêm đạt 16,1 tỷ USD (+33,2% YoY), góp vốn mua cổ phần đạt 8 tỷ USD (+49,8% Yoy).

Giải ngân FDI trong tháng 10 giảm 21,2% so với tháng trước, lũy kế 10 tháng đạt 24,1 tỷ USD, +13% YoY.

Giải ngân đầu tư công đạt 71,2% kế hoạch

Giải ngân vốn đầu tư công tính tới 30/10 đạt 708.567 tỷ đồng, tăng 217.567 tỷ đồng (+44,3%) so với cùng kỳ năm 2025 và hoàn thành 71,2% kế hoạch năm.

PMI tăng trở lại

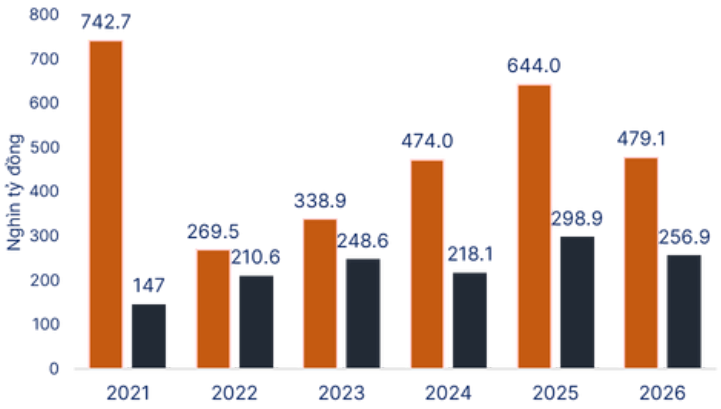
Chỉ số PMI tháng 10 tăng trở lại lên 52,3 điểm. Tuy nhiên số lượng đơn hàng xuất khẩu mới giảm tháng thứ 3 liên tiếp tiếp tục khiến cho mức tăng của chỉ tiêu này chậm lại và sản lượng sản xuất cũng tăng chậm nhất sáu tháng. Báo cáo của S&P Global cũng chỉ ra nguyên nhân là do những khó khăn trong khâu logistics đã tác động tới nguồn cung nguyên vật liệu. Trong khi đó giá đầu vào tiếp tục tăng do tác động của giá năng lượng biến động bất lợi. PMI giá đầu vào tăng nhanh hơn so với tháng 9 còn giá đầu ra cũng tăng với mức cao hơn để bù đắp. Niềm tin kinh doanh tiếp tục tăng và đạt mức cao nhất 8 tháng.

Lạm phát vẫn chịu áp lực

Nhóm giao thông tiếp tục gây sức ép lên CPI khi tăng 2,7% MoM, tăng 15,6% YoY (cao nhất trong các nhóm hàng hóa) do giá xăng trung bình tăng 5,4% so với tháng trước. Vì vậy nên mặc dù nhóm hàng ăn uống & thực phẩm giảm 0,24% so với tháng trước nhưng CPI tháng 10 vẫn tăng nhẹ 0,2% MoM và 5,09% YoY, bình quân 9 tháng tăng 4,57%, lạm phát cơ bản tăng 4,24%. Kể từ 01/11, Chính phủ đã giảm thuế TTĐB với xăng về 0% và giảm 2% giá điện bán lẻ bình quân, có thể sẽ giúp kìm giữ lạm phát trong 2 tháng cuối năm.

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

Bảng 8. Giá trị phát hành và mua lại TPDN (Ytd)



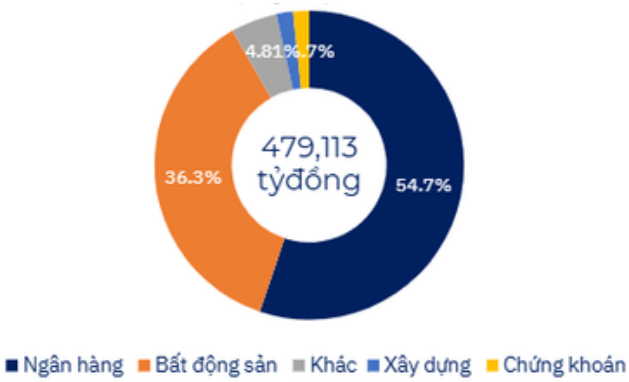
Nguồn: Fiingroup, VBMA, SHS Research

Phát hành trái phiếu doanh nghiệp giảm

Giá trị trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong tháng 10 là 20.131 tỷ đồng (-57% MoM, -63% YoY). do trong tháng 9 có các đợt phát hành lớn của Vinhomes (10.000 tỷ đồng), Masterise (7.000 tỷ đồng), Hưng Long (2.000 tỷ đồng), Trường Hải (2.000 tỷ đồng)... Tuy nhiên lũy kế 10 tháng, giá trị trái phiếu phát hành đạt 479,1 nghìn tỷ đồng, giảm nhẹ -0.6% YoY trong đó phát hành riêng lẻ là 419,3 nghìn tỷ đồng (-2,8% YoY) và 59,8 nghìn tỷ đồng phát hành ra công chúng (+18,2% YoY).

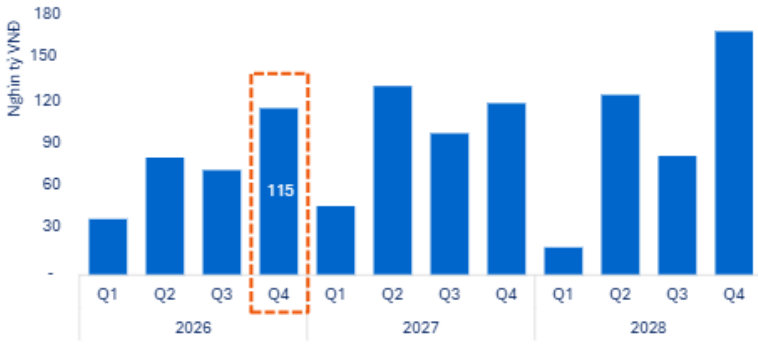
Giá trị trái phiếu doanh nghiệp mua lại tháng 10 là 16,9 nghìn tỷ đồng, lũy kế mua lại 10 tháng là 257 nghìn tỷ đồng (-1,4% YoY).

Bảng 9. Giá trị phát hành TPDN theo ngành



Nguồn: Fiingroup, VBMA, SHS Research

Bảng 10. Tổng nghĩa vụ thanh toán dự kiến theo tháng



Nguồn: FiinPro-X Platform. Ghi chú: Dữ liệu được cập nhật tại ngày 6/10/2026, bao gồm TPDN phát hành công chúng và riêng lẻ

Nguồn: Fiingroup, VBMA, SHS Research

Bảng 11. Tổng hợp các chỉ tiêu vĩ mô cơ bản

Thống Kê	Jan-26	Feb-26	Mar-26	Apr-26	May-26	Jun-26	Jul-26	Aug-26	Sep-26	Oct-26
Chỉ số IIP (hàng tháng, % YoY)	19.4%	0.6%	7.2%	9.3%	10.1%	12.7%	14.5%	14.4%	16.7%	15.0%
PMI (điểm)	52.5	54.3	51.2	50.5	52.8	51.8	52.9	53.3	51.9	52.3
Tăng trưởng bán lẻ (lũy kế, %YoY)	9.3%	7.9%	10.9%	11.1%	11.2%	12.9%	13.1%	13.3%	13.4%	13.5%
FDI giải ngân (lũy kế, % YoY)	11.3%	8.8%	9.1%	9.8%	9.6%	11.2%	11.8%	12.0%	12.1%	13.1%
FDI đăng ký (lũy kế, % YoY)	-41%	-13%	43%	36%	35%	61%	58%	55%	76%	74%
Tăng trưởng xuất khẩu (lũy kế, %YoY)	30.1%	18.6%	19.4%	20.3%	19.9%	21.5%	21.7%	22.4%	24.5%	27.5%
Tăng trưởng nhập khẩu (lũy kế, % YoY)	49.6%	26.1%	26.7%	29.1%	30.1%	32.8%	34.8%	35.3%	36.7%	37.4%
Cán cân thương mại (hàng tháng, tỷ USD)	-1.8	-1.0	-0.7	-4.0	-5.2	-2.6	-3.6	-0.1	1.3	7.3
Lạm phát (% YoY)	2.5%	3.4%	4.7%	5.5%	5.6%	4.7%	4.5%	4.9%	5.1%	5.1%
Lạm phát cơ bản (YTD % YoY)	3.2%	3.7%	4.0%	4.7%	4.7%	4.5%	4.2%	4.2%	4.5%	4.2%
Tăng trưởng tín dụng (% YTD)	1.2%	1.3%	3.2%	4.6%	5.7%	7.7%	8.4%	10.2%	11.6%	11.9%
Lãi suất liên ngân hàng ON (%) cuối tháng	5.4%	4.6%	6.6%	6.3%	7.0%	7.3%	6.5%	7.1%	7.1%	5.8%
CDS 5 năm	78.7	82.5	103.5	97.8	89.2	86.0	88.5	84.9	95.0	102.2
USD/VND (% MoM)	-1.3%	0.4%	1.1%	0.0%	-0.1%	0.0%	-0.1%	-0.8%	-0.4%	-0.6%

Nguồn: GSO, Fiingroup, VBMA, SHS Research

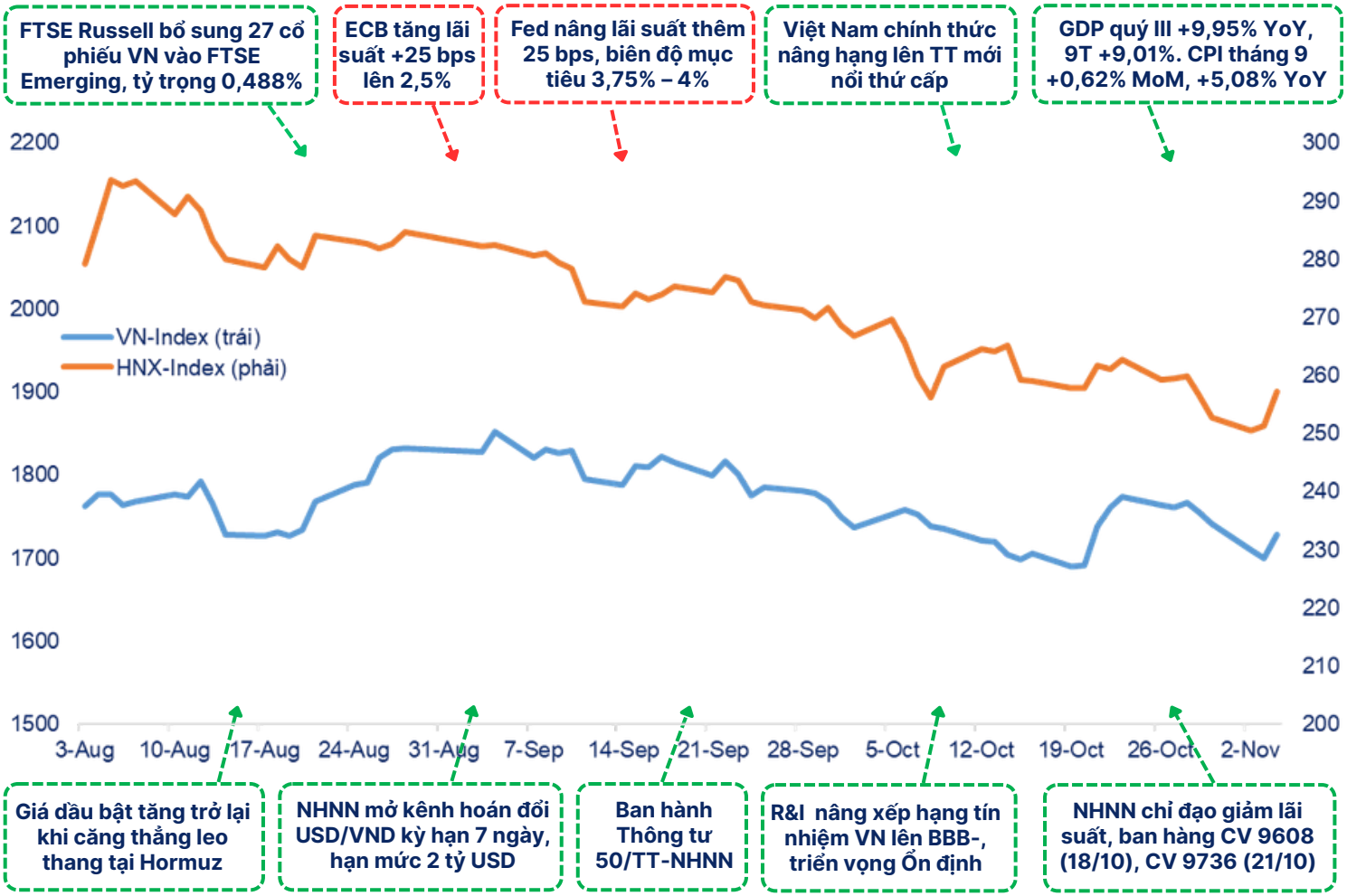


TỔNG QUAN TTCK THÁNG 10

(Trở về trang mục lục)

TTCK THÁNG 10/2026

(Trở về trang mục lục)



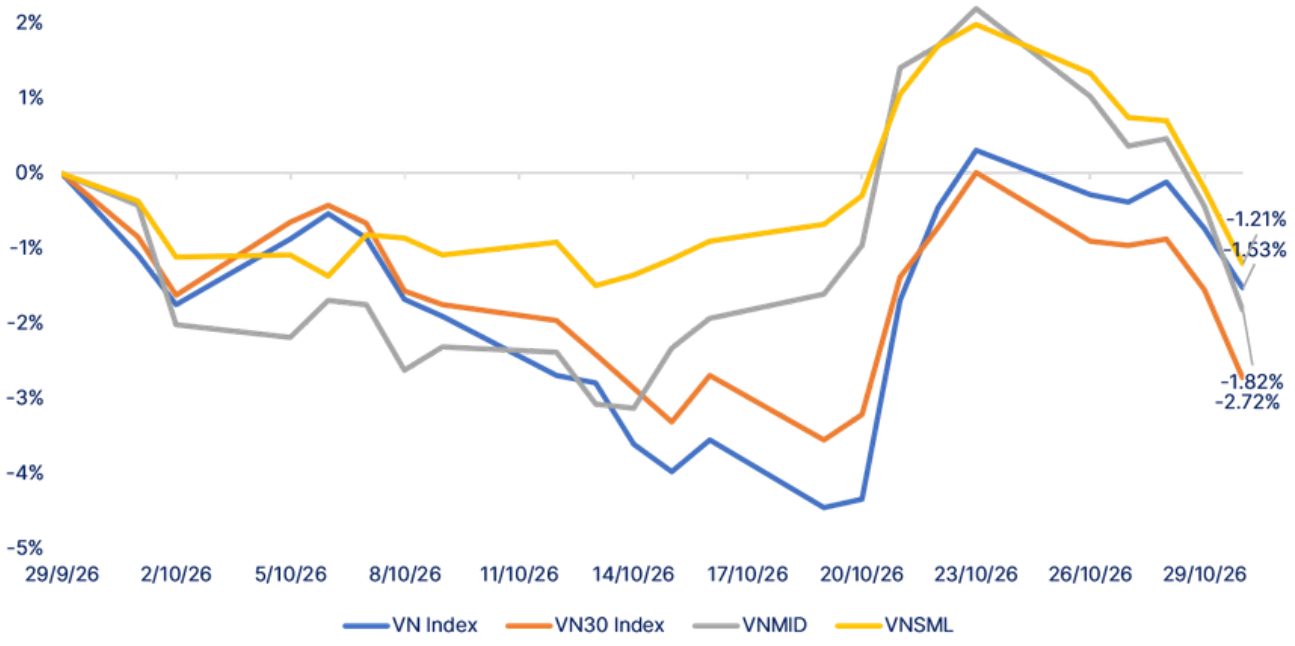
- **Trong tháng 10, VN-Index giảm -1,53% so với tháng 9, tháng thứ 2 liên tiếp giảm điểm.** Ảnh hưởng chính lên chỉ số trong tháng 10 tiếp tục là nhóm VinGroup và Ngân hàng (cùng chiếm 26% vốn hóa toàn thị trường). Chỉ số VN30 giảm mạnh nhất (-2,7% MoM), tiếp theo là nhóm vốn hóa trung bình VNMID (-1,8% MoM) và VNSML (-1,2 % MoM).

- **Trong tháng 10 hầu hết các nhóm ngành đều có diễn biến kém tích cực.** Ngoại trừ nhóm Du lịch và giải trí (+6,4% MoM), Tài nguyên cơ bản (+4,2% MoM), Bất động sản (+2,3% MoM) tăng điểm, hầu hết các nhóm ngành đều giảm điểm. Nhóm giảm mạnh nhất là Hàng cá nhân và Gia dụng (-13,3% MoM), Dầu khí (-9,6% MoM), Bảo hiểm (-6,5% MoM), Dịch vụ tài chính (-4,8% MoM)...

- **Thanh khoản tháng 10 tiếp tục giảm sau khi đạt đỉnh từ tháng 1/2026**. Giá trị giao dịch trung bình tháng 10/2026 đạt 18.590 tỷ đồng/phiên, giảm 2,9% so với tháng 9 và giảm 53,2% so với cùng kỳ tháng 10/2025.
- **Khối ngoại tăng bán ròng.** Tại HOSE, khối ngoại vẫn gia tăng áp lực bán ròng với giá trị -24.024 tỷ đồng trong tháng 10, cao nhất trong vòng 1 năm chủ yếu do giá trị bán thỏa thuận MCH (-9.600 tỷ đồng), HDB (-3.170 tỷ đồng). Lũy kế từ đầu năm, khối này bán ròng -121.905 tỷ đồng (~4,69 tỷ USD).

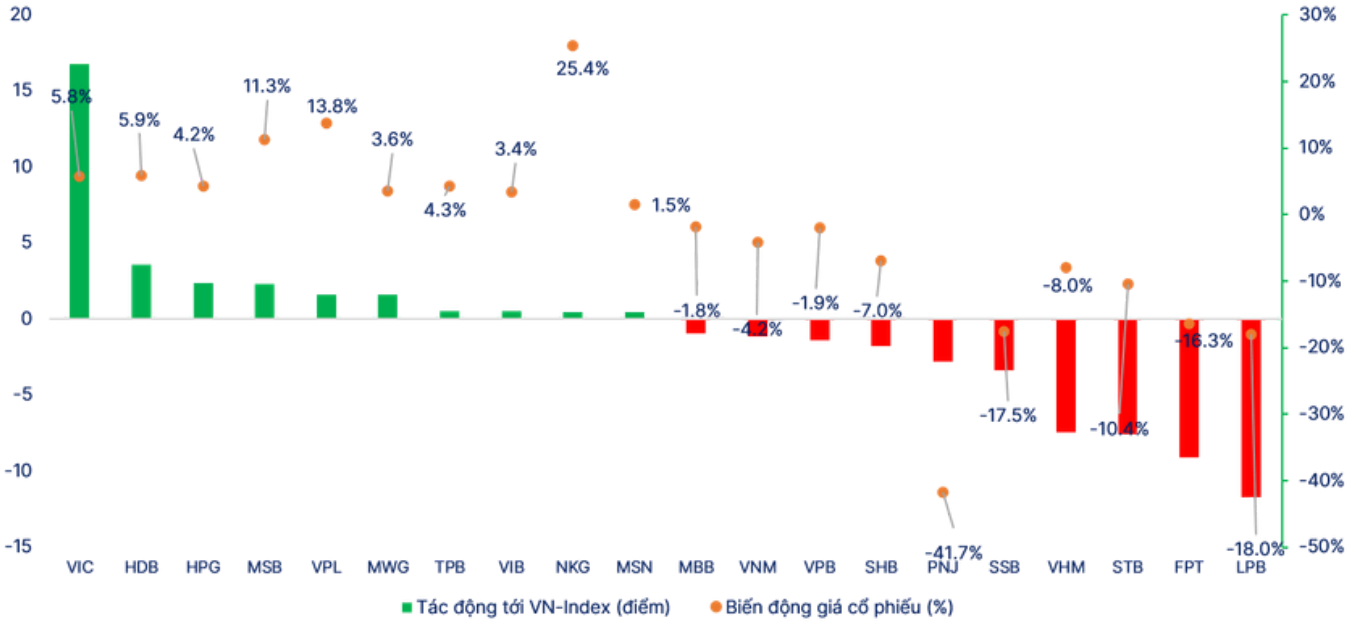
TTCK THÁNG 10/2026

Bảng 1. Tăng trưởng các chỉ số thị trường trong tháng 10/2026 (%)



Nguồn: Fiingroup, Bloomberg, SHS Research

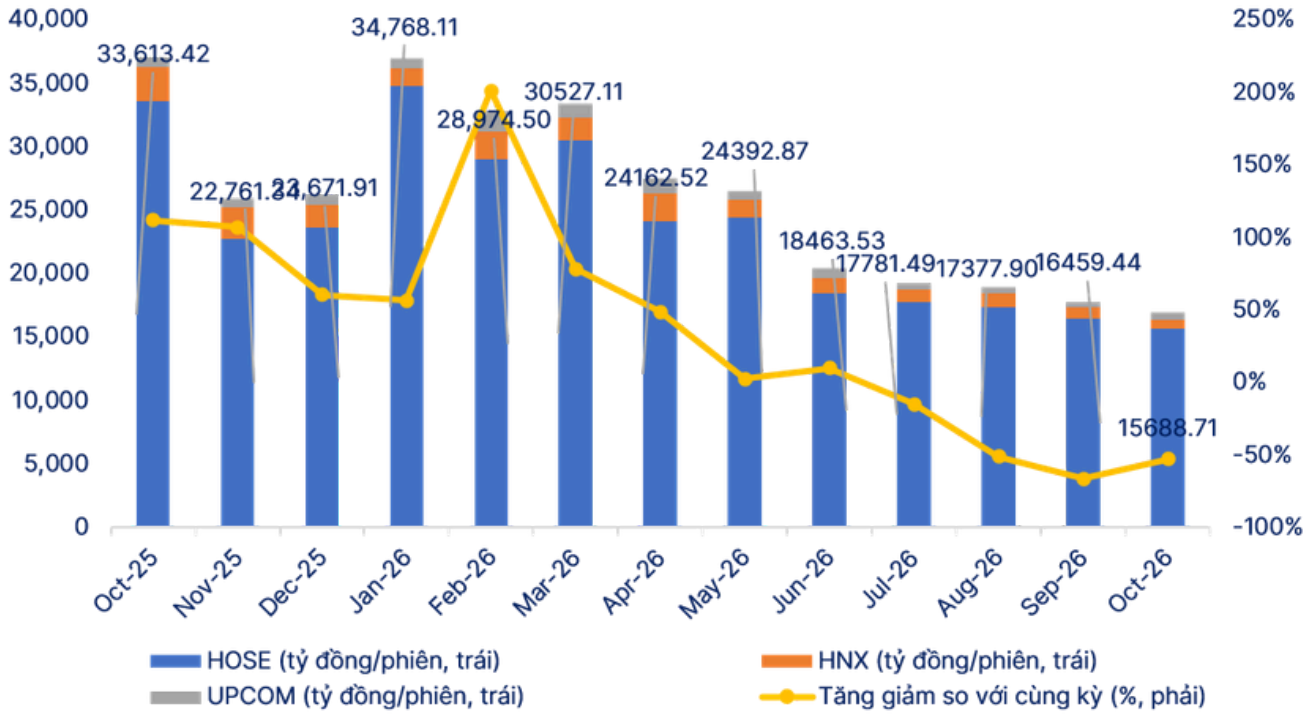
Bảng 2. Top cổ phiếu ảnh hưởng đến VN-Index trong tháng 10/2026 (%)



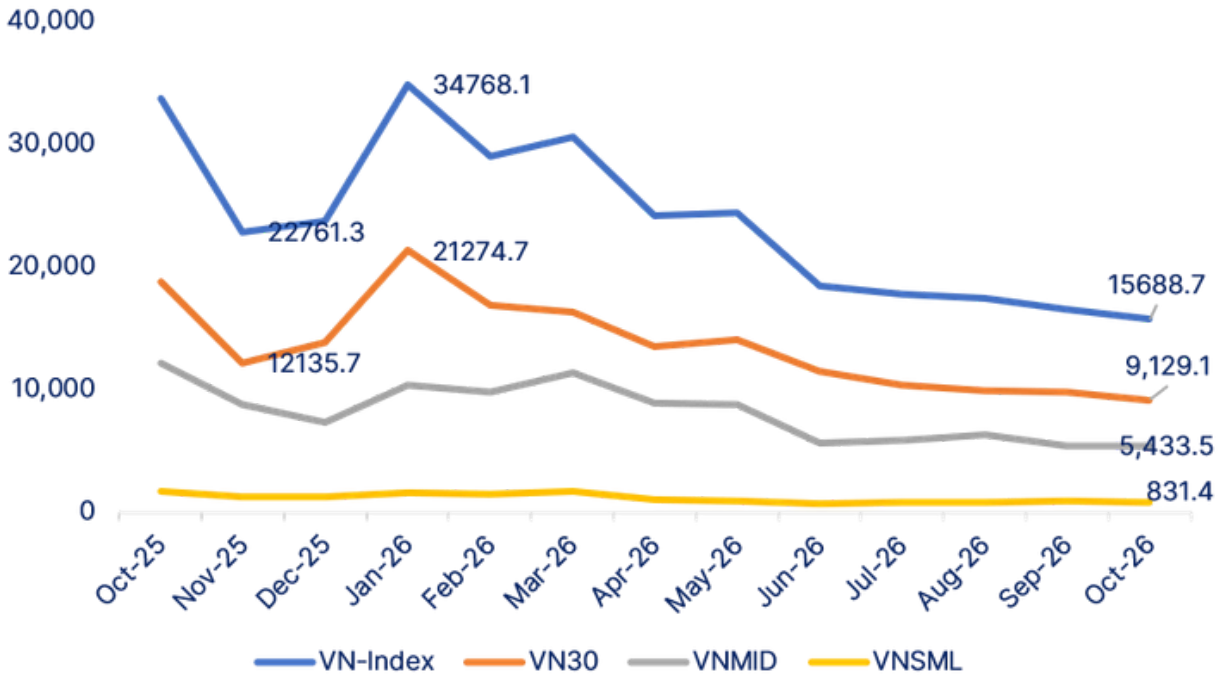
Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TTCK THÁNG 10/2026

Bảng 3. Giá trị giao dịch trung bình (tỷ đồng/phiên)



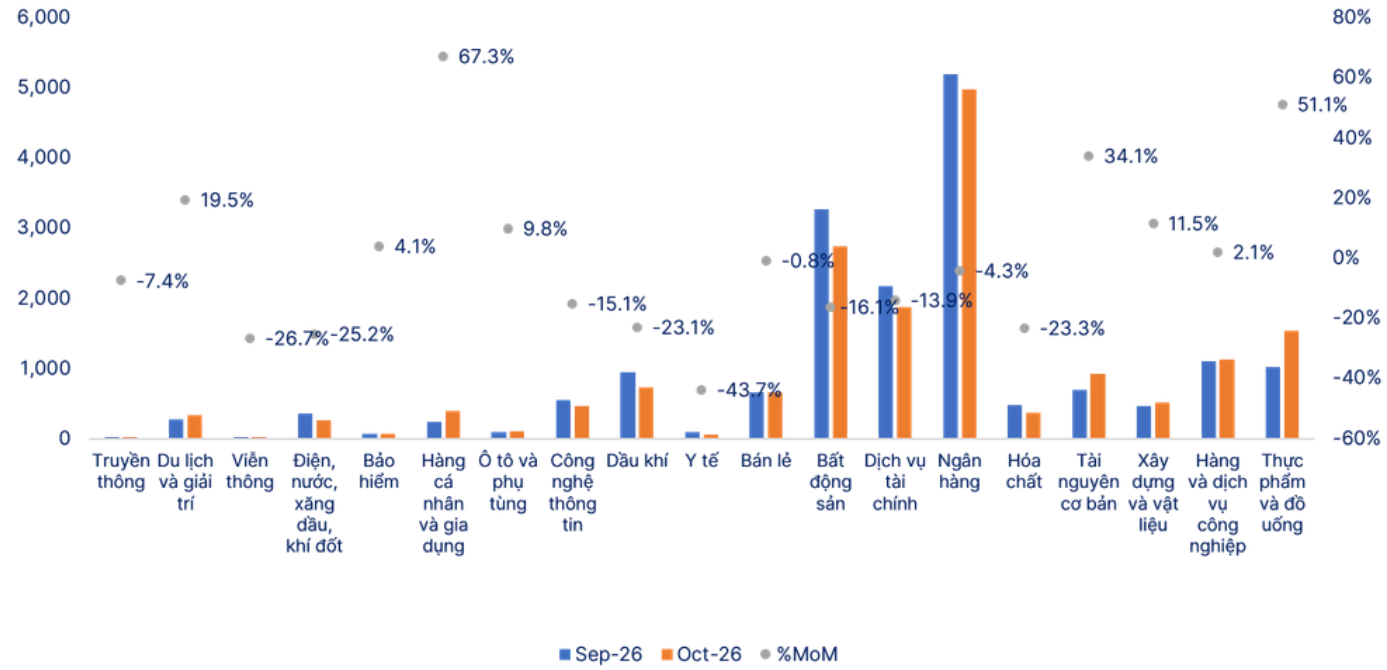
Bảng 4. Giá trị giao dịch bình quân phiên trong 12 tháng gần nhất (tỷ VND)



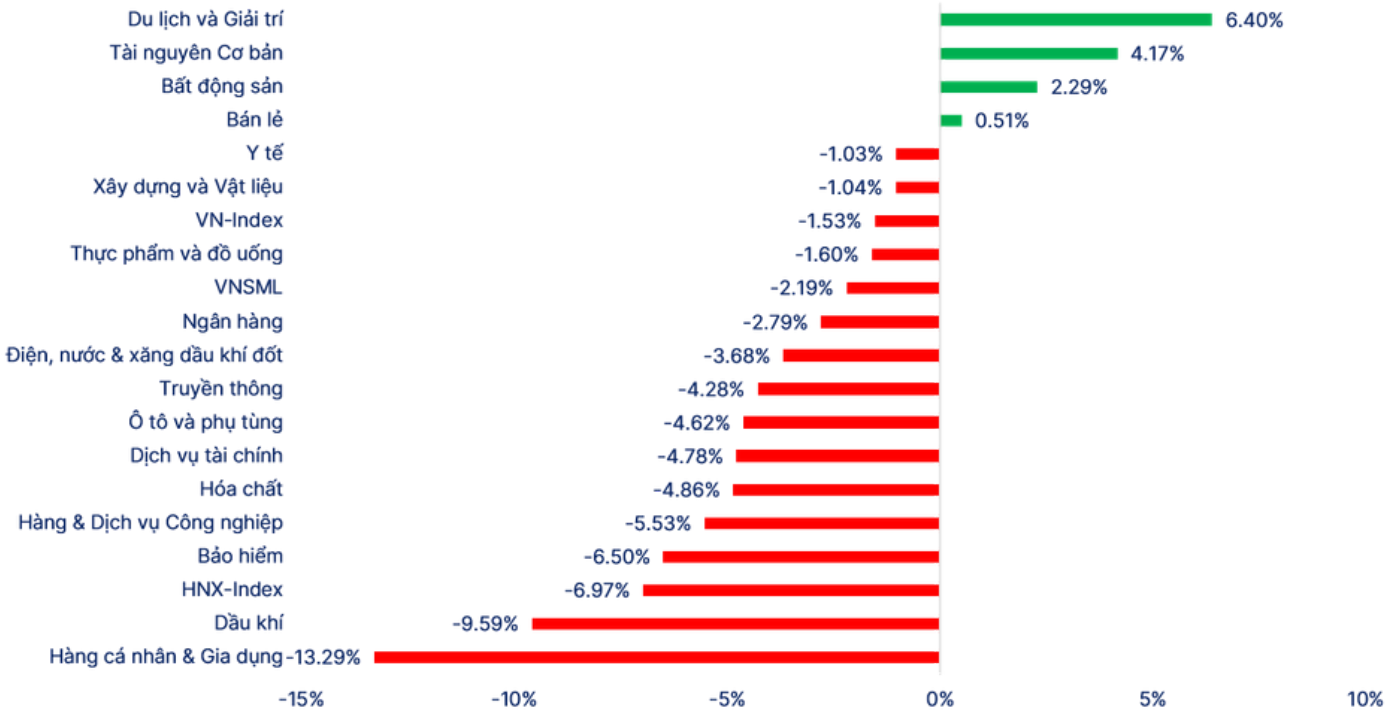
Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TTCK THÁNG 10/2026

Bảng 5. Giá trị giao dịch bình quân phiên theo nhóm ngành



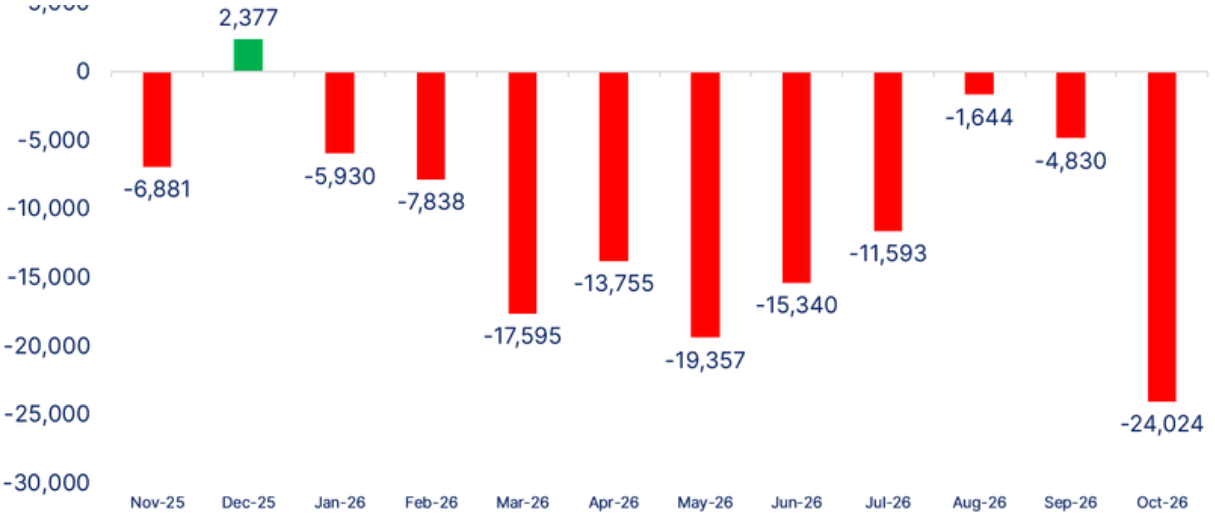
Bảng 6. Tăng/giảm các nhóm ngành và chỉ số thị trường trong tháng 10/2026



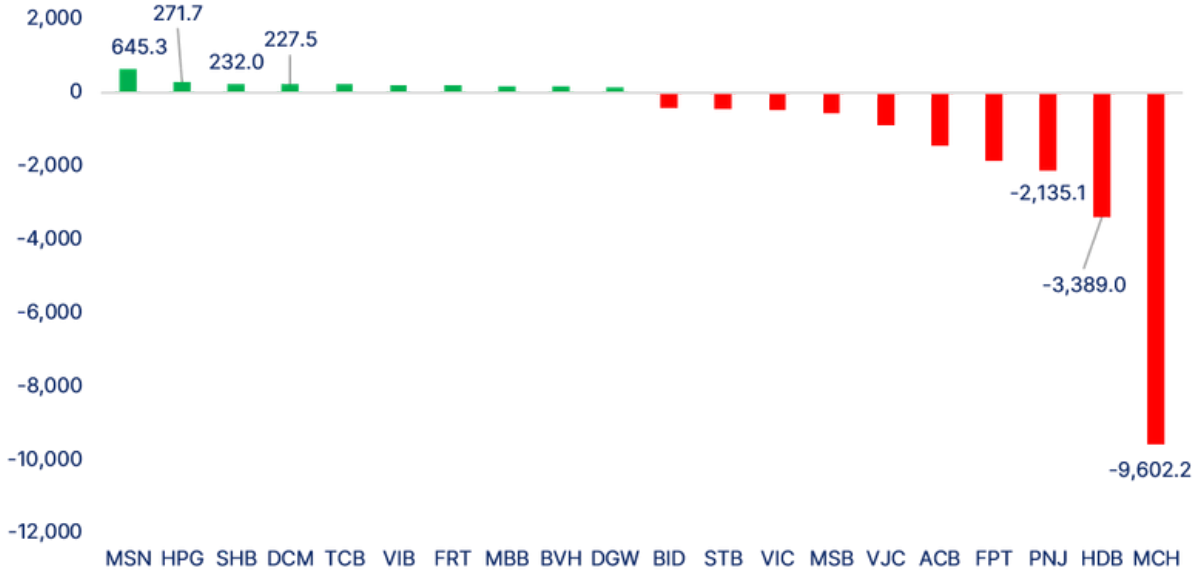
Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TTCK THÁNG 10/2026

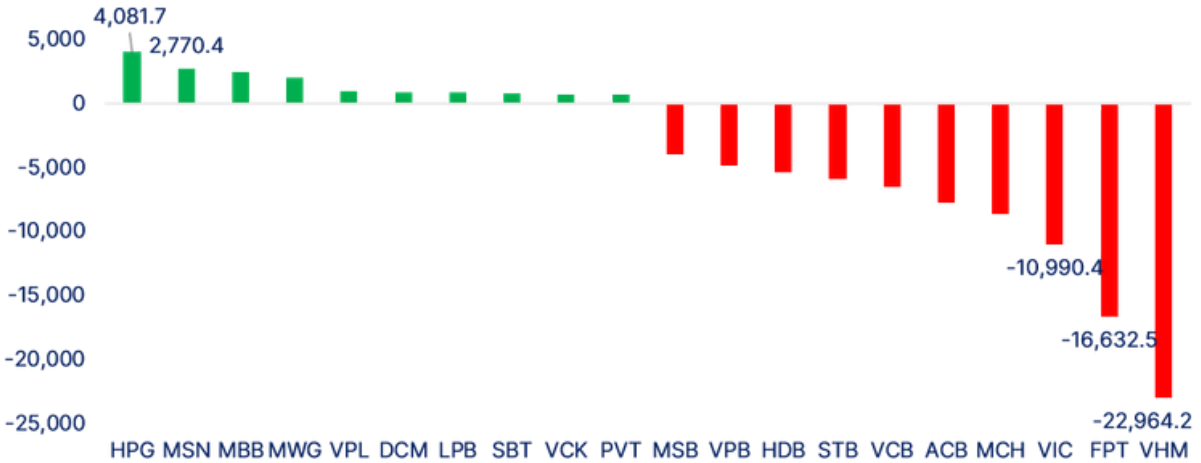
Bảng 7. Giá trị mua/bán ròng của NĐTNN trên HOSE theo tháng (tỷ đồng)



Bảng 8. Top các mã mua/bán ròng của NĐTNN trên HOSE tháng 10/2026 (tỷ đồng)



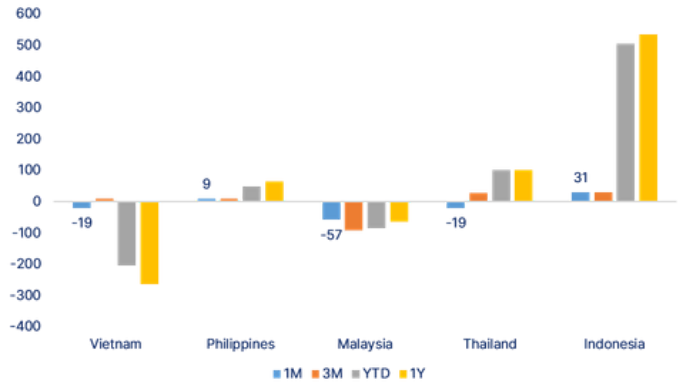
Bảng 9. Top các mã mua/bán ròng của NĐTNN trên HOSE 10 tháng 2026 (tỷ đồng)



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TTCK THÁNG 10/2026

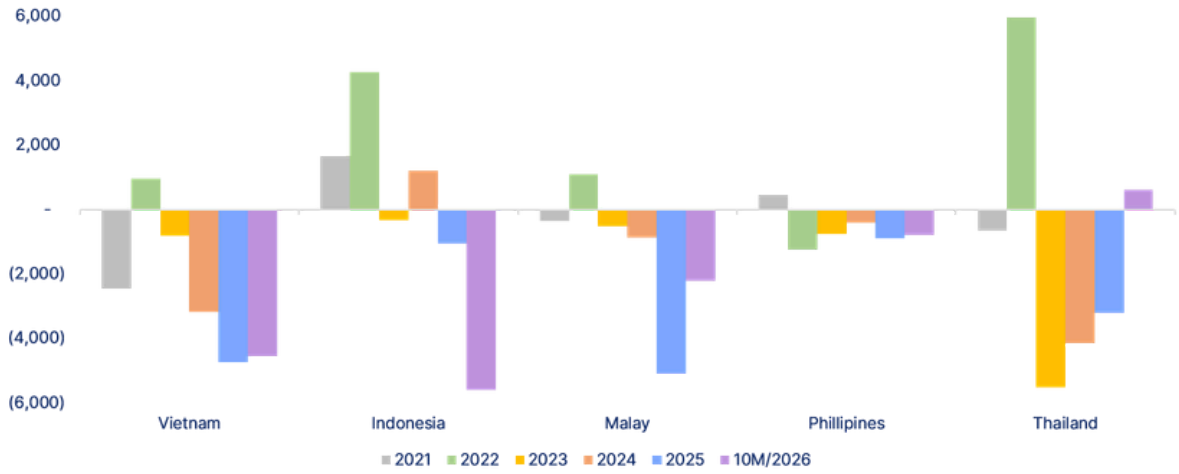
Bảng 10. Dòng vốn ETF theo quốc gia (triệu USD)



Trong tháng 10/2026, khối ngoại bán ròng mạnh ở Indonesia (-922,2 triệu USD), Malaysia (-165,2 triệu USD), Philipines (-212,4 triệu USD), Thái Lan (-91,1 triệu USD).

Lũy kế từ đầu năm 2026 đến nay, khối ngoại bán ròng mạnh ở Indonesia (-5.601 triệu USD), Malaysia (-2.206 triệu USD), Philipines (-772,0 triệu USD), trong khi vẫn mua ròng ở Thái Lan (+617,0 triệu USD).

Bảng 11. Giao dịch cổ phiếu của NĐTNN theo quốc gia (tỷ USD)



Nguồn: Bloomberg, SHS Research

Tên quỹ	Tổng AUM (triệu USD)	NAV (USD)	Số lượng CCQ	Dòng vốn ròng			
				1M	3M	YTD	1Y
DCVFMVN Diamond ETF	398,1	1,2	324.700.000	-3,8	-4,1	-40,4	-33,0
Fubon FTSE Vietnam ETF	325,4	0,6	581.738.000	-4,4	-16,3	-127,2	-159,6
DCVFMVN30 ETF Fund	227,2	1,3	174.500.000	5,5	1,8	-17,0	-5,9
VanEck Vietnam ETF	466,2	17,0	27.450.000	-14,6	-24,9	-77,6	-69,2
Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	348,1	39,1	8.853.940	-1,5	-12,4	-7,4	-10,3
SSIAM VNFIN LEAD ETF	23,3	1,1	21.200.000	-2,6	3,3	3,9	5,4
KIM INDEX Vietnam VN30 ETF	260,6	20,2	12.900.000	0,0	59,7	45,9	-11,1
SSIAM VNX50 ETF	7,6	1,1	7.000.000	0,0	2,4	1,9	2,3
Global x MSCI Vietnam ETF	34,4	24,4	1.410.000	-0,5	-1,8	6,8	8,2
SSIAM VN30 ETF	9,8	0,9	10.700.000	0,0	0,7	1,4	1,8
KIM GROWTH VN30 ETF	83,8	0,5	168.600.000	-2,5	-5,0	-7,4	-8,5

(Trở về trang mục lục)

TỔNG QUAN KQKD Q3/2026

KQKD Q3/2026 của toàn thị trường

1.124 doanh nghiệp đã có LNST Q3; tăng trưởng YoY tính trên 1.110 doanh nghiệp có số liệu hai kỳ.

254,8
NGHÌN TỶ ĐỒNG LNST
Theo mẫu đã công bố

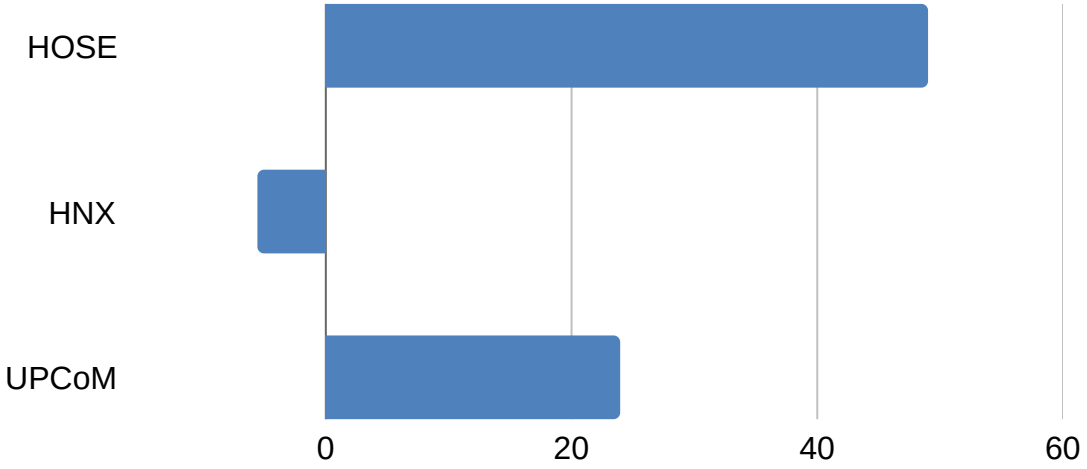
+42,9%
TĂNG TRƯỞNG LNST
Tăng 76,3 nghìn tỷ

1.124
DOANH NGHIỆP ĐÃ CÓ Q3
72,0% danh mục

54,4%
CẢI THIỆN LỢI NHUẬN
604/1.110 cùng mẫu

TĂNG TRƯỞNG LNST THEO SÀN

Đơn vị: % YoY



+49,0%
217,3 nghìn tỷ LNST

−5,6%
9,2 nghìn tỷ LNST

+24,0%
28,3 nghìn tỷ LNST

MỨC ĐỘ LAN TỎA VÀ TÍNH TẬP TRUNG

604 / 1.110
Doanh nghiệp tăng LNST
54,4% mẫu so sánh

960 / 1.124
Doanh nghiệp có lãi
85,4% mẫu công bố

+22,0%
Không gồm nhóm Vingroup
Chỉ tiêu tham chiếu

NHỮNG ĐIỂM ĐÁNG CHÚ Ý TRONG Q3/2026

01 **HOSE chi phối mức tăng lợi nhuận.** Sàn này tạo thêm 71,4 nghìn tỷ đồng, bằng 93,6% mức tăng ròng toàn thị trường; đồng thời chiếm 85,3% LNST đã công bố.

02 **Tăng trưởng lợi nhuận chưa tương xứng độ rộng.** LNST toàn mẫu tăng 42,9%, nhưng 506/1.110 doanh nghiệp giảm lợi nhuận so với cùng kỳ. Tỷ lệ doanh nghiệp có lãi cao hơn rõ rệt tỷ lệ cải thiện lợi nhuận.

03 **KQKD phân hóa giữa ba sàn.** HNX giảm dù 145/288 doanh nghiệp cải thiện, cho thấy mức giảm tại nhóm có quy mô lớn lấn át phần tăng còn lại. UPCoM tăng 24,0% với 250/417 doanh nghiệp cải thiện.

04 **Tác động của nhóm tập đoàn lớn đáng kể.** Nếu loại nhóm Vingroup thì mức tăng lợi nhuận của phần còn lại chỉ đạt 22%

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN KQKD Q3/2026

Tăng trưởng lợi nhuận theo ngành

THỐNG KÊ TOÀN BỘ PHÂN NGÀNH

LNST: nghìn tỷ đồng

Phân ngành	LNST	Tỷ trọng	YoY	Đóng góp[1]	Tăng / giảm	Lãi / lỗ
Ngân hàng	**85,6**	**33,6%**	**+21,2%**	**+8,4**	**22/6**	**28/0**
Bất động sản dân cư	**52,4**	**20,6%**	**+304,5%**	**+22,1**	**30/54**	**66/19**
Thực phẩm và đồ uống	**16,0**	6,3%	**+26,8%**	**+1,9**	59/48	95/13
Tài nguyên cơ bản	**15,6**	6,1%	**+181,2%**	**+5,6**	49/25	61/14
Tiện ích	**14,4**	5,6%	**+54,7%**	**+2,8**	61/53	107/8
Dầu khí	**11,9**	4,7%	**+331,6%**	**+5,1**	6/4	10/0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	**11,7**	4,6%	**−12,5%**	**−0,9**	90/63	140/16
Dịch vụ tài chính	**7,8**	3,1%	**−45,7%**	**−3,7**	10/36	36/11
Bán lẻ	**7,7**	3,0%	**+89,7%**	**+2,0**	15/7	17/5
Xây dựng và Vật liệu	**7,1**	2,8%	**−18,3%**	**−0,9**	110/90	160/42
Hóa chất	**6,8**	2,7%	**+28,1%**	**+0,8**	30/24	53/2
Viễn thông	**4,4**	1,7%	**−12,9%**	**−0,4**	2/3	5/0
Bất động sản Khu công nghiệp	**3,0**	1,2%	**+5,0%**	**+0,1**	9/13	20/2
Công nghệ Thông tin	**3,0**	1,2%	**−5,9%**	**−0,1**	12/6	18/0
Bảo hiểm	**1,9**	0,7%	**+2,3%**	**+0,0**	7/6	13/0
Hàng cá nhân & Gia dụng	**1,8**	0,7%	**−18,9%**	**−0,2**	30/23	42/12
Du lịch và Giải trí	**1,6**	0,6%	**+1,9%**	**+0,0**	17/12	21/8
Y tế	**0,8**	0,3%	**−15,6%**	**−0,1**	22/18	35/7
Truyền thông	**0,7**	0,3%	**+285,6%**	**+0,3**	15/8	22/1
Ô tô và phụ tùng	**0,7**	0,3%	**−29,8%**	**−0,2**	8/7	11/4

[1] Đóng góp: điểm % vào tăng trưởng LNST toàn mẫu; "tăng/giảm" theo ΔLNST cùng mẫu, "lãi/lỗ" theo Q3/2026.

PHÂN TÍCH MỘT SỐ NGÀNH TRỌNG YẾU

QUY MÔ

Ngân hàng

LNST đạt 85,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 33,6% tổng lợi nhuận; tăng 21,2% YoY với 22/28 ngân hàng cải thiện. Khối tài chính tổng thể chỉ tăng 9,9% do dịch vụ tài chính suy giảm.

ĐÓNG GÓP

BĐS dân cư

Đóng góp 22,1 điểm % vào tăng trưởng chung, lớn nhất thị trường. Tuy nhiên, 54/84 doanh nghiệp giảm LNST; loại nhóm Vingroup, tăng trưởng ngành còn 20,5%.

CHU KỲ

Tài nguyên cơ bản và dầu khí

Hai ngành đóng góp tổng cộng 10,7 điểm %. Tài nguyên cơ bản có 49/74 mã cải thiện, trong khi dầu khí là 6/10; mức tăng phụ thuộc đáng kể vào diễn biến giá hàng hóa và biên lọc dầu.

PHÂN HÓA

Dịch vụ tài chính và công nghiệp

Dịch vụ tài chính giảm 45,7%, với 36/46 mã suy giảm. Hàng & Dịch vụ công nghiệp giảm 12,5% dù 90/153 mã tăng lợi nhuận, phản ánh tác động của nhóm doanh nghiệp đóng góp lớn.

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN KQKD Q3/2026

Các doanh nghiệp dẫn dắt KQKD

TOP 10 TĂNG LỢI NHUẬN

Δ LNST: 64,9 nghìn tỷ

Mã	LNST Q3*	YoY	Δ LNST*	Đóng góp
VIC	22,8	+652,3%	+19,7	+25,9%
VHM	23,0	+419,0%	+18,6	+24,4%
BSR	9,0	+887,1%	+8,1	+10,6%
HPG	8,3	+106,0%	+4,3	+5,6%
MSN	4,6	+144,0%	+2,7	+3,5%
MBB	8,3	+42,3%	+2,5	+3,2%
BID	8,5	+39,2%	+2,4	+3,1%
CTG	10,9	+27,7%	+2,4	+3,1%
NVL	1,1	Lỗ → lãi	+2,3	+3,0%
MSR	2,1	+41.509,7%	+2,1	+2,8%
TỔNG	**98,4**	**+193,8%**	**+64,9**	**+85,1%**

TOP 10 GIẢM LỢI NHUẬN

Δ LNST: -13,7 nghìn tỷ

Mã	LNST Q3*	YoY	Δ LNST*	Đóng góp
VCG	0,4	−88,8%	−2,9	−3,8%
VIX	0,2	−92,9%	−2,3	−3,0%
STB	1,3	−53,6%	−1,6	−2,0%
KSF	0,0	−97,4%	−1,5	−1,9%
VPX	0,7	−64,6%	−1,2	−1,6%
ACV	2,1	−35,1%	−1,1	−1,5%
GEE	0,8	−55,0%	−1,0	−1,3%
VGI	3,4	−18,7%	−0,8	−1,0%
PNJ	-0,3	Lãi → lỗ	−0,8	−1,0%
VND	0,3	−64,5%	−0,6	−0,8%
TỔNG	**8,9**	**−60,5%**	**−13,7**	**−17,9%**

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN CÁC DOANH NGHIỆP DẪN DẮT LỢI NHUẬN THỊ TRƯỜNG

01 **Bất động sản – đóng góp tập trung:** VIC và VHM chiếm 50,2% mức tăng LNST toàn thị trường. Kết quả chủ yếu gắn với ghi nhận các giao dịch bất động sản quy mô lớn; lợi nhuận giữa các quý vì vậy biến động theo tiến độ bàn giao.

02 **Lợi nhuận lọc dầu mang tính chu kỳ:** BSR tăng 8,1 nghìn tỷ đồng, tương đương 10,6% mức tăng ròng. Biên lọc dầu cải thiện đáng kể; kết quả quý nhạy với biến động crack spread.

03 **Nguồn suy giảm lợi nhuận khác nhau:** VCG và KSF chịu tác động của nền ghi nhận lợi nhuận cao; VIX, VPX, VND giảm chủ yếu trong hoạt động tự doanh/FVTPL. Đây là các yếu tố khác bản chất.

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 11



(Trở về trang mục lục)

TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 11-2026

Trong tháng 10, báo cáo kết quả kinh doanh Quý III của các doanh nghiệp đã không hỗ trợ thị trường như kỳ vọng. Diễn biến VN-Index tháng 10 khớp với nhận định trong Báo cáo Chiến lược tháng 10 của chúng tôi, đó là **VN-Index vẫn tích lũy trong biên độ hẹp**.

Trong tháng 11/2026, thị trường tiếp tục chịu ảnh hưởng chi phối với những yếu tố:

Yếu tố tích cực:

1) Kinh tế tăng trưởng tốt. Mục tiêu tăng trưởng GDP trên 10% năm 2026.
2) Cán cân thương mại chuyển sang thặng dư, giảm áp lực đối với tỷ giá
3) Kết quả kinh doanh toàn thị trường tăng 43% trong Quý III
4) Định giá hấp dẫn, tương đương các thời điểm đáy khủng hoảng trong lịch sử.

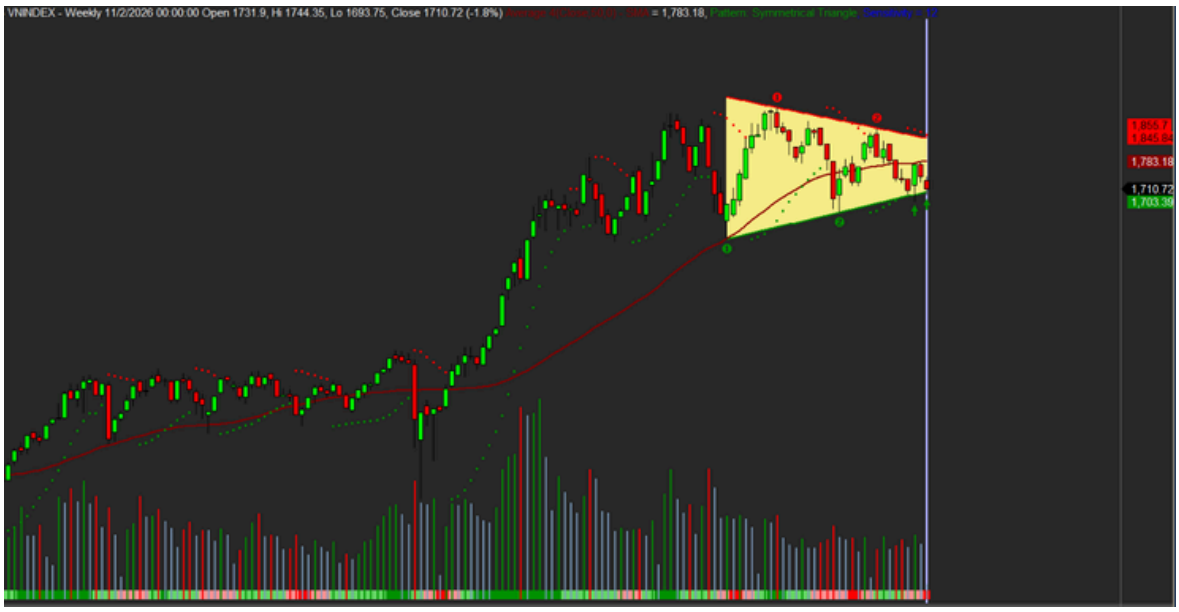
Yếu tố rủi ro, bất định:

1) Căng thẳng địa chính trị, bất ổn xã hội trên thế giới tiếp diễn, bất định.
2) Lạm phát, lãi suất toàn cầu duy trì ở mức cao.
3) Tỷ lệ dự nợ vay ký quỹ ở mức cao.
4) Thị trường bước vào khoảng trống thông tin hỗ trợ
5) Thanh khoản thấp, tâm lý nhà đầu tư vẫn còn yếu

Góc nhìn Phân tích kỹ thuật

Dự báo trong tháng 11/2026 Vn-Index vẫn tích lũy trong biên độ hẹp quanh vùng hỗ trợ 1.680 điểm - 1.700 điểm, tương ứng vùng giá thấp nhất tháng 10/2026 và kháng cự mạnh 1.800 điểm. Trường hợp tiêu cực, nếu các cổ phiếu Vingroup tạo mô hình hai đỉnh trung hạn và điều chỉnh mạnh, VN-Index có thể giảm về vùng hỗ trợ quanh 1.650 điểm trước khi hồi phục trở lại.

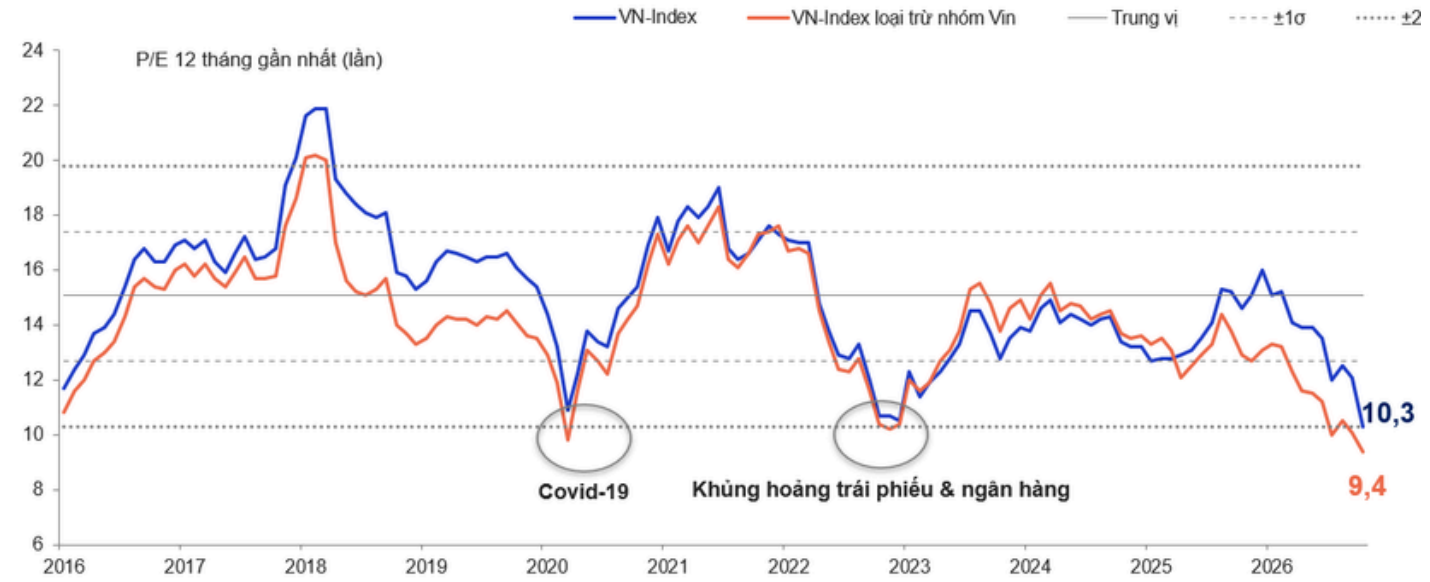
Tại cuối tháng 10, VN-Index có P/E 10,8x, thấp hơn thời điểm đáy khủng hoảng "Cú sốc thuế quan" tháng 4/2025 và gần mức P/E 10,3 lần thời điểm đáy "đại dịch Covid" tháng 4/2020. Mức định giá này được xem tương đối hấp dẫn xét trong bối cảnh kinh tế dự báo vẫn tăng trưởng tốt, lợi nhuận thị trường kỳ vọng tăng trên 15% trong 2027. Nhà đầu tư có thể theo dõi xem xét các cơ hội đầu tư dài hạn vào các doanh nghiệp đầu ngành, triển vọng tốt, đang ở mức định giá thấp trong lịch sử.



Nguồn: SHS Research

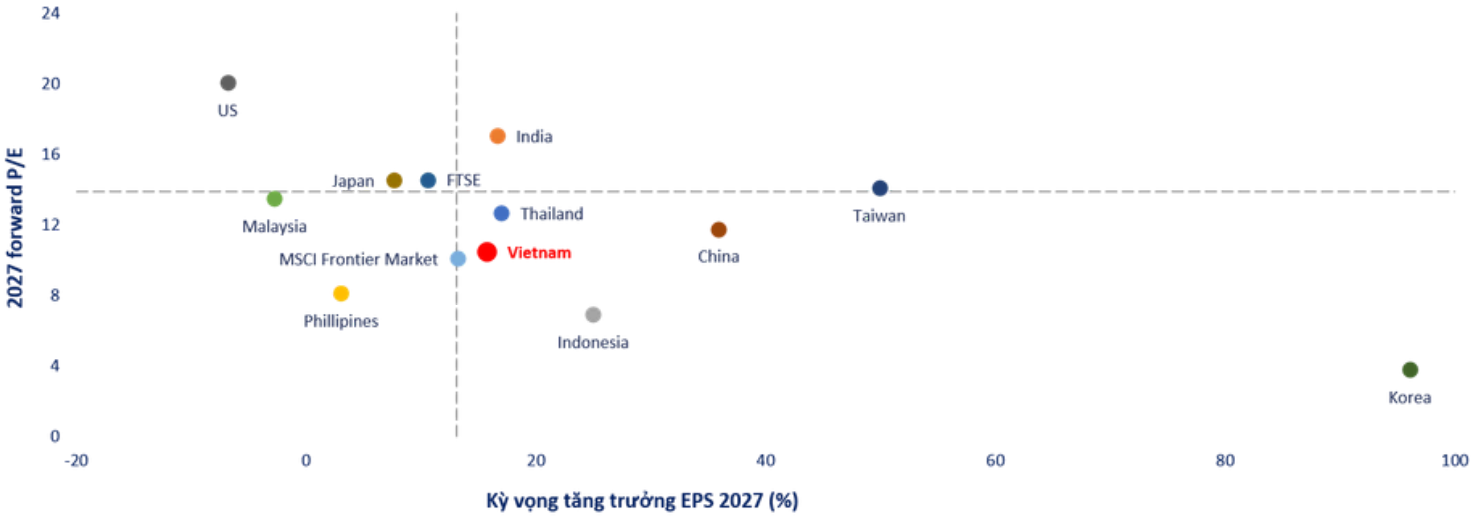
TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 11-2026

Định giá VN- Index tiến về vùng thấp trong lịch sử



Ghi chú: Dữ liệu tính toán tại ngày 31/10/2026

Kỳ vọng tăng trưởng EPS, PE foward 2027



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, SHS Research

LỊCH SỰ KIỆN THÁNG 11 - 2026

(Trở về trang mục lục)

02/11
- **Sự kiện trong nước**: Công bố cập nhật thay đổi cổ phiếu thành phần chỉ số VNX-Index
- **Sự kiện quốc tế**: Mỹ công bố chỉ số PMI

03/11
- **Sự kiện trong nước**: Công bố số liệu kinh tế Việt Nam tháng 10/2026

04/11
- **Sự kiện quốc tế**: Công bố CPI ở EU

10/11
- **Sự kiện quốc tế**: Công bố CPI ở Mỹ

11/11
- **Sự kiện quốc tế**: MSCI công bố review bộ chỉ số

16/11
- **Sự kiện trong nước**: Các thay đổi chỉ số VNX-Index có hiệu lực áp dụng

19/11
- **Sự kiện trong nước**: Ngày giao dịch cuối cùng (GDCC) của HĐTL VN30 tháng 11/2026

Nguồn: SHS Research

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ

DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

(Trở về trang mục lục)

Mã	Ngày mở	Hiệu suất trong tháng	Hiệu suất hiện tại	Giá hiện tại (9/11/2026)	Giá mục tiêu	Tiềm năng tăng giá 12 tháng	Ghi chú
MWG	31/3	+3,6%	-7,3%	72.300	99.000	+37%	Duy trì
FRT	8/10	+1,2%	-5,9%	142.800	185.500	+30%	Duy trì
HPG	31/3	+4,2%	-11,7%	20.900	31.000	+48%	Duy trì
GMD	8/10	+1,2%	-2,6%	52.700	65.000	+23%	Duy trì
VCB	6/5	-2,93%	-10,7%	53.600	75.000	+40%	Duy trì
CTG	8/10	+1%	+9,1%	31.650	35.000	+10%	Duy trì
REE	8/10	-5,2%	+3,5%	47.200	70.300	+49%	Duy trì
MBB	31/3	-1,8%	-9,1%	19.300	26.000	+35%	Duy trì
PHR	4/6						Đóng vị thế
PVS	8/10						Đóng vị thế
VPB	6/5						Đóng vị thế
BSR	8/10						Đóng vị thế

DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

(Trở về trang mục lục)

STT	Mã	Giá đóng cửa (09/11/2026)	Giá mục tiêu	Tiềm năng tăng giá 12 tháng	Điểm nhấn đầu tư
1	MWG	**72.300**	**99.000**	**37%**	• Doanh thu tăng mạnh (9T tăng +33%svck) nhờ mở rộng thị phần bán lẻ điện tử, SSSG cao tại TGDĐ & ĐMX, và bách hóa, đầu tư tài chính. • Doanh số bán hàng công nghệ dự kiến tăng theo mùa, nhờ sự ra mắt của Iphone mới.
2	FRT	**142.800**	**185.500**	**30%**	• Lợi nhuận trước thuế 9T/2026 tăng 114% svck. Long Châu bước vào giai đoạn tăng trưởng lợi nhuận rõ nét, với doanh thu 9 tháng tăng 35% svck và lãi sau thuế năm 2026 dự phóng đạt gần 2.000 tỷ đồng (+73% so với năm trước). • Những thay đổi về quy định tạo thuận lợi cho các chuỗi nhà thuốc lớn, trong khi mảng tiêm chủng tiếp tục mở rộng nhanh và FPT Shop đã có lãi trở lại.
3	HPG	**20.900**	**31.000**	**48%**	• Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh: NPATMI 9 tháng +103,4% svck nhờ sản lượng tiêu thụ tăng 35%, biên lợi nhuận gộp cải thiện 1,5 điểm phần trăm do chi phí nguyên vật liệu giảm và khoản lãi bất thường từ chuyển nhượng bất động sản. • Triển vọng tích cực, định giá hấp dẫn: NPATMI dự báo +75% năm 2026 và 10% trong năm 2027, nhờ nhu cầu thép duy trì ở mức cao khi đầu tư hạ tầng được đẩy mạnh. P/E dự phóng năm 2026 ở mức 6,5 lần.
4	GMD	**52.700**	**65.000**	**23%**	• Kết quả kinh doanh 9T/2026 tăng trưởng mạnh (lãi trước thuế +80% svck, hoàn thành 81% kế hoạch năm) nhờ hoạt động cốt lõi tăng trưởng và ghi nhận lãi bất thường từ thoái vốn. • Động lực tăng trưởng đến từ việc tăng giá dịch vụ tại các cảng nước sâu và tăng sản lượng thông qua cảng Gemalink. • Triển vọng tích cực: NPATMI dự phóng tăng 15% YoY năm 2026, đi ngang năm 2027, tăng 7–15%/năm đến năm 2030. Cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 3 dự kiến hoạt động hết công suất từ năm 2028, trong khi Gemalink giai đoạn 2A dự kiến nâng tổng công suất cảng lên 2,1–2,3 triệu TEU từ quý 4/2027. • Nền tảng tài chính vững chắc, tiền mặt dồi dào, đòn bẩy tài chính thấp và ROE dự phóng năm 2026 đạt 12,9%, hỗ trợ triển vọng kinh doanh.
5	VCB	**53.600**	**75.000**	**40%**	• Chất lượng tài sản tốt nhất hệ thống và chính sách quản trị rủi ro chặt chẽ với tỷ lệ nợ xấu 0,61%, tỷ lệ bao phủ nợ xấu 279%. Định giá đang ở mức chiết khấu hấp dẫn so với lịch sử, an toàn khi thị trường biến động.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

(Trở về trang mục lục)

STT	Mã	Giá đóng cửa (09/11/2026)	Giá mục tiêu	Tiềm năng tăng giá 12 tháng	Điểm nhấn đầu tư
6	CTG	**31.650**	**35.000**	**10%**	• Định giá hấp dẫn: P/B dự phóng năm 2026 ở mức 1,2 lần, với ROE 21,3%. • Động lực ngắn hạn: Chuyển nhượng VietinBank Tower trong nửa cuối năm 2026 dự kiến mang lại khoản lợi nhuận bất thường đáng kể.
7	REE	**47.200**	**70.300**	**49%**	• Công suất điện gió gấp 4 lần sau 2 năm. Duyên Hải 2 và 3 (128 MW, COD cuối năm 2026) cùng Phú Cường 1A & 1B (200 MW, COD Q4/2027) nâng công suất gió từ 126 MW lên 502 MW. • Lợi nhuận tăng trưởng nhờ danh mục đa dạng. NPATMI Q3/2026 +16,9% yoy, cao nhất từ đầu năm. Cơ điện lạnh bứt phá lãi 9T +85,6% yoy, backlog 9.069 tỷ đồng. • Định giá hấp dẫn, tài chính lành mạnh. P/E trượt 10,3x, thấp hơn 23% so với bình quân 3 năm; P/E 2027F chỉ 9,1x. Nợ ròng/VCSH 16,1%, cổ tức ổn định 25%/năm trong 5 năm gần nhất
8	MBB	**19.300**	**26.000**	**35%**	• Lợi nhuận quý 3 dự kiến tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ, nhờ nền so sánh thấp của quý 3 năm trước. • MBB duy trì khả năng sinh lời trong nhóm dẫn đầu ngành ngân hàng, với ROE đạt 21,6% trong 6 tháng đầu năm 2026. ROE có thể tiếp tục cải thiện trong năm 2027, nhờ tăng trưởng tín dụng trên 30%.

CONTACT INFORMATION

(Trở về trang mục lục)

Research & Analysis Center
Vu Ngoc Linh
Head of Research
Linh.vn@shs.com.vn

Market Strategy
Phan Tan Nhat
Research Manager
Nhat.pt@shs.com.vn

Wealth
Vu Quynh Anh
Analyst
Anh.vq@shs.com.vn

Equity

Financial
Doan Thi Anh Nguyet
Team Lead
Nguyet.dta@shs.com.vn
Le Thu Huyen
Analyst
Huyen.lt@shs.com.vn

Material
Ngo The Hien
Research Manager
Hien.nth@shs.com.vn
Vu Nhat Anh
Analyst
Anh.vn@shs.com.vn

Real Estate
Pham Hong Son
Research Manager
Son.ph@shs.com.vn
Le Anh Thang
Team Lead
Thang.la@shs.com.vn

Industrial
Nguyen Thanh Hoa
Research Manager
Hoa.nt@shs.com.vn

IT
Ngo The Hien
Research Manager
Hien.nth@shs.com.vn

Communication
Nguyen Thanh Hoa
Research Manager
Hoa.nt@shs.com.vn

Energy
Nguyen Ngoc Anh
Analyst
Anh.nn2@shs.com.vn

Health Care
Nguyen Thanh Hoa
Research Manager
Hoa.nt@shs.com.vn

Utilities
Pham Hong Son
Research Manager
Son.ph@shs.com.vn

Consumer Discretionary
Le Thu Huyen
Analyst
Huyen.lt@shs.com.vn

Consumer Staples
Doan Thi Anh Nguyet
Team Lead
Nguyet.dta@shs.com.vn

Aviation
Pham Cao Duy
Analyst
duy.pc@shs.com.vn

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

(Trở về trang mục lục)

Tất cả những thông tin, dữ liệu và phân tích trong tài liệu này đã được thu thập, tổng hợp và xử lý một cách cẩn trọng tại thời điểm công bố. Tuy nhiên, SHS Research và tác giả không cam kết tính đầy đủ, chính xác tuyệt đối hay cập nhật liên tục của các thông tin được sử dụng. Mọi nội dung trình bày hoàn toàn không đại diện cho quan điểm chính thức của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán SHS, trừ khi có ghi rõ.

Các quan điểm, mô hình và nhận định trong báo cáo phản ánh đánh giá chuyên môn độc lập của nhóm phân tích tại thời điểm viết, dựa trên các giả định cụ thể về bối cảnh kinh tế, chính sách và thị trường. Báo cáo này không cấu thành khuyến nghị đầu tư, lời mời gọi giao dịch, hay cam kết hiệu quả tài chính đối với bất kỳ loại tài sản nào, bao gồm nhưng không giới hạn ở cổ phiếu, trái phiếu, ngoại tệ, hàng hóa, bất động sản hoặc các sản phẩm tài chính phái sinh.

Các nội dung trong báo cáo cũng không phải là tài liệu tư vấn chính sách chính thức, và không nhằm thay thế cho đánh giá độc lập của các cơ quan hoạch định hoặc các tổ chức ra quyết định điều hành kinh tế. Mọi phân tích về chính sách công chỉ mang tính tham khảo về mặt logic truyền dẫn và kịch bản giả định, không mang tính chỉ đạo hay phản biện chính sách cụ thể.

Chúng tôi khuyến nghị người đọc (dù là nhà đầu tư tổ chức, cá nhân hay cán bộ hoạch định chính sách) cần tự đánh giá độ phù hợp của thông tin với mục tiêu sử dụng, khẩu vị rủi ro, và bối cảnh pháp lý/kinh tế tại thời điểm xem xét. Các dự báo trong báo cáo mang tính mô hình, có thể thay đổi đáng kể khi các yếu tố đầu vào hoặc định hướng chính sách thay đổi.

Tài liệu này không được sử dụng để xây dựng hồ sơ chào bán chứng khoán, truyền thông tiếp thị sản phẩm tài chính, hoặc làm căn cứ pháp lý nếu không có phê duyệt rõ ràng từ Công ty Cổ Phần Chứng Khoán SHS.

Mọi hành vi sao chép, chia sẻ, trích dẫn một phần hoặc toàn bộ báo cáo cần tuân thủ quy định về bản quyền.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg và FiinGroup.

MỌI THÔNG TIN XIN VUI LÒNG LIÊN HỆ

Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội
Tòa nhà SHS, Số 43 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888
Fax: (84-24)-3818 1688

Chi nhánh Hà Nội
Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888
Fax: (84-24)-3818 1688

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 2, Tòa nhà SHB Đà Nẵng, số 06 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

SHS

Kiến tạo tài chính thịnh vượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)

Website: shs.com.vn

Tel: 1900 63 8588

Email: hotrokhachhang@shs.com.vn

GIAO DỊCH NGAY CÙNG SHS

App trading: SH Smart

Bảng giá: sboard.shs.com.vn

Web trading: shsmart.shs.com.vn